

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 129/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 23/5/2023

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Sĩ Quang

Bà Ngô Thị Thơm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương:** Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 70/2023/HNGĐ-TLST ngày 02/3/2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2023/QĐ-ST ngày 05 tháng 5 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn D**, sinh ngày 20/9/1986.

Địa chỉ: Khu dân cư (KDC) N, phường M, thành phố L, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang lao động: Singapore.

Người được anh D ủy quyền giao nhận văn bản: Ông Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số 1A, phố B, KDC Nguyễn Trãi 1, Phường Đ, Thành phố L, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Chị **Tô Thị L**, sinh ngày 04/01/1988.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: KDC Văn G, phường M, thành phố L, tỉnh Hải Dương.

Hiện ở: Đà Loan.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **Nguyễn Thị T**, Sinh năm 1960.

Địa chỉ: KDC Văn G, phường M, thành phố L, tỉnh Hải Dương.

3.2. Bà **Nguyễn Thị Bích B**, sinh năm 1961.

Địa chỉ: KDC N, phường M, thành phố L, tỉnh Hải Dương.

(Anh D, chị L, bà T, bà B có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền (có chứng thực của Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L) nguyên đơn anh Nguyễn Văn D trình bày: Anh và chị L tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L (nay là phường M, thành phố L), tỉnh Hải Dương ngày 27/6/2007. Đến ngày 01/4/2015 anh chị đăng ký kết hôn lại. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm thấy tiếng nói chung nên chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Tháng 8/2019 chị L đi Đài Loan lao động, vợ chồng ít liên lạc với nhau. Mặc dù đã được gia đình hai bên hòa giải, nhưng cả hai không mong muốn được đoàn tụ. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị L.

Về con chung : Anh và chị L có hai con chung là Nguyễn Tô Hoài T, sinh ngày 03/10/2009 và Nguyễn Tô Hoài Th, sinh ngày 15/8/2014. Hiện nay cháu T đang ở với bà nội, còn cháu Th ở với ông bà ngoại. Ly hôn ban đầu anh có nguyện vọng được nuôi cả hai con và tự nguyện không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Sau đó anh có quan điểm mỗi người sẽ nuôi một con, anh xin nuôi cháu T còn chị L nuôi cháu Th. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung: Các bên tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh D tự nguyện chịu cả án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Chị Tô Thị L hiện nay đang lao động tại Đài Loan, do anh D không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị L nên Tòa án đã xác minh địa chỉ của chị L tại gia đình. Bà Nguyễn Thị T là mẹ đẻ chị L cung cấp, năm 2020 chị L đi Đài Loan lao động, từ khi đi chị L chưa về Việt Nam lần nào. Địa chỉ của chị L ở nước ngoài bà không biết, nên bà không cung cấp được cho Tòa án. Tuy nhiên chị L thường xuyên gọi điện thoại về gia đình. Bà T đồng ý nhận các

văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho chị L biết. Sau khi được thông báo, qua gia đình chị L có quan điểm: Xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh D có đơn xin ly hôn chị đồng ý. Về con chung chị có nguyện vọng được nuôi cháu Th, anh D nuôi cháu T. Trong thời gian chị không ở Việt Nam chị ủy quyền cho mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Th. Về tài sản chung, nợ chung không có, ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị đề nghị được giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị Bích B có quan điểm: Bà là mẹ đẻ anh D, còn chị L là con dâu bà. Tháng 1/2023 anh D có về Việt Nam thăm gia đình, đến ngày 10/3/2023 anh D đã quay lại Singapore làm việc, anh D thường xuyên gọi điện thoại về cho bà. Khi anh D, chị L xảy ra mâu thuẫn thì cháu T ở với bà, còn cháu Th ở với mẹ và bà ngoại. Nay anh D, chị L ly hôn, anh D có ủy quyền cho bà chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T, bà đồng ý. Bà đề nghị được giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T có quan điểm: Bà là mẹ đẻ của chị L, hiện tại cháu Th đang ở cùng với bà. Bà đồng ý nhận ủy quyền của chị L về việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Th trong thời gian chị L không ở Việt Nam, đồng thời bà đề nghị được giải quyết vắng mặt.

- Cháu Nguyễn Tô Hoài T và Nguyễn Tô Hoài Th là con chung của chị L, anh D có quan điểm: Nếu bố mẹ ly hôn thì cháu Th có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu T có nguyện vọng được ở với bố. Trong thời gian bố mẹ không ở Việt Nam cháu Th đồng ý được ở với bà ngoại. Cháu T đồng ý được ở với bà nội.

- Ông Nguyễn Mạnh C là người được anh D ủy quyền giao nhận văn bản tố tụng. Ông C đồng ý nhận ủy quyền, sau khi nhận văn bản tố tụng ông đã thông tin cho anh D biết, anh D vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn giữa anh D và chị L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh D được ly hôn chị L. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tô Hoài T, sinh ngày 03/10/2009 cho anh D chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Tô Hoài Th, sinh ngày 15/8/2014 cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời

gian anh D, chị L không ở Việt Nam, tạm giao cháu T cho bà Nguyễn Thị Bích B chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm giao cháu Th cho bà Nguyễn Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn D và chị Tô Thị L đều có hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh tại: phường M, thành phố L, tỉnh Hải Dương. Hiện tại anh D đang lao động tại Singapore, chị L đang lao động tại Đài Loan. Do vậy, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Tháng 01/2023 anh D về Việt Nam để tiến hành các thủ tục ly hôn với chị L. Đến tháng 3/2023 anh D tiếp tục sang Singapore lao động. Anh D ủy quyền cho ông Nguyễn Mạnh C giao, nhận các văn bản tại Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án, anh D không cung cấp được địa chỉ của chị L tại Đài Loan. Theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC – PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân tối cao, Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình chị L cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được. Qua xác minh tại gia đình được biết, chị L thường xuyên liên lạc với mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị T. Bà T đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho chị L biết. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Do vậy áp dụng công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành giải quyết theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều có quan điểm xin được xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3]. Về nội Dng:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Văn D và chị Tô Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L (nay là phường M, thành phố L), tỉnh Hải Dương ngày 27/6/2007, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm thấy tiếng nói chung. Mặc dù đã được gia đình

hai bên hòa giải nhưng anh chị vẫn mỗi người sống một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay anh D xác định tình cảm vợ chồng không còn và có đơn xin ly hôn chị L. Thông qua gia đình, chị L cũng có quan điểm đồng ý ly hôn. Do vậy có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa anh D và chị L đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh D.

- *Về con chung*: Anh Nguyễn Văn D và chị Tô Thị L có hai con chung là Nguyễn Tô Hoài T, sinh ngày 03/10/2009 và Nguyễn Tô Hoài Th, sinh ngày 15/8/2014. Ly hôn anh D, chị L đều thống nhất quan điểm anh D nuôi cháu T, chị L nuôi cháu Th. Xét thấy, thực tế hiện cháu T đang ở với bà nội, cháu Th đang ở với bà ngoại. Do vậy, để ổn định cuộc sống của các cháu nên giao cháu T cho anh D nuôi dưỡng, giao cháu Th cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp. Trong thời gian anh D, chị L không ở Việt Nam, tạm giao cháu T cho bà Nguyễn Thị Bích B chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm giao cháu Th cho bà Nguyễn Thị T chăm sóc nuôi dưỡng. Anh D, chị L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn D được ly hôn chị Tô Thị L.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Tô Hoài T, sinh ngày 03/10/2009 cho anh Nguyễn Văn D chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Giao con chung Nguyễn Tô Hoài Th, sinh ngày 15/8/2014 cho chị Tô Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian anh D, chị L không ở Việt Nam, tạm giao cháu T cho bà Nguyễn Thị Bích B chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm giao cháu Th cho bà Nguyễn Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Văn D, chị Tô Thị L được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn D phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu số AA/2021/0003957 ngày 01 tháng 3 năm 2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh D đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn D, chị Tô Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Bích B, bà Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THA tỉnh Hải Dương;
- UBND phường M;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền